

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI ĐẦU TIÊN Ở ĐÔNG NAM Á HẢI ĐẢO

NGÔ VĂN DOANH*

Do nằm ở vị trí địa lý chiến lược trên con đường giao thương đông-tây thời cổ, nên ngay từ những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Thiên Chúa, nhiều nơi trong khu vực Đông Nam Á hải đảo đã trở thành điểm đến và dừng chân của các thương nhân từ Trung Quốc, Địa Trung Hải và đặc biệt là từ Ấn Độ. Đầu tiên là các thương nhân, rồi cùng các thương nhân là văn hoá, là các tôn giáo của Ấn Độ đã lan tới và phổ biến ở khu vực Đông Nam Á hải đảo. Dưới tác động mạnh mẽ của văn hoá Ấn Độ và của việc giao thương buôn bán, trong suốt những thế kỷ đầu công nguyên, tại khu vực Đông Nam Á hải đảo, đã hình thành một loạt những quốc gia cổ đại. Có thể, đã từng tồn tại ở đây nhiều thể chế quốc gia ở nhiều khu vực khác nhau, thế nhưng, qua các tài liệu và dấu tích hiện được biết, mà chủ yếu là qua các thư tịch cổ của Trung Quốc, các nhà nghiên cứu đã dần dần khái quát được diện mạo một số quốc gia cổ đại thời kỳ đầu ở khu vực hải đảo của Đông Nam Á.

1. Dunsun

Thị quốc Dunsun (Touen-siun) lần đầu tiên được mô tả và nhắc tới là trong những ghi chép của K'ang Tai và Zhu Ying, các sứ thần Trung Quốc được phái đến Phù Nam vào thế kỷ 3. Khó có thể biết chính xác Dunsun nằm ở vị trí nào, nhưng, như các nhà nghiên cứu giả định, có thể tin là thị quốc này từng tồn tại trong vùng lân cận của Prachuap Kiri Khan hiện nay bên bờ vịnh Thái Lan, nơi có tuyến đường bộ đi qua Isthmus của Kra để đến Mergui trong vịnh Bengal. K'ang Tai và Zhu Ying cho biết là Dunsun theo Hindu giáo và những người Bàlamôn được các vua mới đến sống trong quốc gia của mình: *"Dân chúng của Touen-siun thực hành giáo thuyết của họ (những người Bàlamôn) và gả con gái của mình cho họ. Kết quả là, nhiều người Bàlamôn đã ở lại. Họ không phải làm gì cả, mà chỉ học hỏi kinh sách, tắm rửa sạch sẽ bằng nước hương hoa và không ngừng thực hành sự mộ đạo suốt ngày, suốt đêm..."*. Các tài liệu muộn hơn (của thế kỷ 6) cho

* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

biệt nhiều thông tin hơn về các phong tục của người Dunsun: "Khi ốm đau, họ nguyện được làm điều tang. Mọi người hát, múa đưa những người này ra khỏi thành phố để đến chỗ mà họ sẽ bị chôn ản thịt. Những mẫu xương còn lại được đem thiêu, tro của xương được đem cho vào bình để ném xuống biển. Nếu chôn không ản thịt, thì người đó được đem cho vào giỏ để hoá táng. Sau khi hoá táng, tro xương được gom lại vào trong bình để đem chôn cất...". Ngoài những ghi chép về tục tang ma ra, không có một tài liệu nào cho biết về thể chế xã hội và chính trị của Dunsun. K'ang Tai và Zhu Ying chỉ cho biết Dunsun cũng như Pan Pan là nước phụ thuộc của Phù Nam⁽¹⁾.

2. Pan Pan

Cái tên Pan Pan lần đầu tiên được nói tới trong một văn bản Phật giáo bằng tiếng Pali có niên đại thế kỷ 2 và có tên là Niddea. K'ang Tai và Zhu Ying cũng mô tả đô thành này. Và, những ghi chép trên cùng với những phát hiện khảo cổ đã giúp các nhà sử học xác định được vị trí của Pan Pan ở vùng đất tiếp giáp với Chaya, phía nam của Dunsun.

Thành quốc này đã bị Fan Shi-man, vị vua vĩ đại đầu tiên của Phù Nam chiếm. Các sử liệu của nhà Liu Song Trung Quốc có nói tới việc vào những năm 434, 435 và 438, cảng Pan Pan có phái sứ đoàn tới Trung Quốc. Tài liệu trên còn ghi rằng, trước khi chiếm Phù Nam, Kaudinya đệ nhị từ Ấn Độ sang đã cập bến và dừng lại ở Pan Pan.

Sau này (vào thế kỷ 10), lãnh thổ của Pan Pan có thể đã được gọi là Tambralinga và tập hợp quanh Chaya và Nakhon Si Thammarat (Ligor) ở miền

nam Thái Lan. Và, Tambralinga đã mở rộng sự kiểm soát của mình xuống phía nam, tới tận biên giới của Lankasura. Vùng đất này có bốn cảng liên kết nội bộ với nhau bằng các tuyến đường bộ: Nakhon Si Thammarat, Chaya ở vịnh Thái Lan, Takkola (nay là Takua Pa) và Trangkhapura (nghĩa là thành phố sóng) ở vịnh Bengal. Sự thống nhất về vị trí địa lý này chứng tỏ Pan Pan đã kiểm soát được phần phía nam Isthmus của Kra. Khoảng cách giữa các thành thị Takua Pa và Chaya hay giữa Trangkhapura và Nakhon Si Thammarat đều khoảng 100 km. Vị trí này tạo ra điều kiện lý tưởng để Pan Pan trở thành địa điểm chuyển hàng quá cảnh cho các các thuyền buôn của Ấn Độ, Trung Quốc và vùng Đông Dương. Nhờ vị trí địa lý mà vương quốc Pan Pan đã tồn tại và hưng thịnh bằng việc kiểm soát hàng hoá chuyển qua chuyển lại các cảng của mình.

Sử liệu Trung Quốc cho biết, trong hai thế kỷ 5 và 6 (khoảng thời gian từ 424 đến 635), triều đình Trung Quốc đã tiếp nhiều sứ đoàn từ Pan Pan tới để trao đổi buôn bán và trao đổi các báu vật Phật giáo. Có thể thấy, các sứ đoàn này, ở khía cạnh nào đấy, là độc lập với Phù Nam và, rất có khả năng, là các phái đoàn buôn bán thường xuyên. Cũng các tài liệu Trung Quốc cho biết, các đô thị của Pan Pan được xây dựng ngay sát biển. Các thành phố này không có tường thành mà chỉ được bảo vệ bằng các rào gỗ đơn sơ. Có rất nhiều thầy balamôn của Hindu giáo trong triều đình của vua. Thế nhưng, vẫn có rất nhiều tu viện Phật giáo trong vương quốc. Các sử liệu Trung Quốc còn cho biết là ở Pan Pan có một ngôi miếu Đạo giáo. Điều này chứng tỏ, vào thời bấy giờ đã có một

cộng đồng người Hoa hải ngoại tại Pan Pan. Các tài liệu Trung Quốc cũng cho biết, ở đây, người ta làm dầu mũi tên bằng đá, làm dầu giáo bằng thép; còn mỗi khi thiết triều thì có các vua chư hầu và các quần thần quỳ bên dưới- một trong những bằng chứng về một thể chế chính trị kiểu Mandala.

Sau khi vương quốc Phù Nam sụp đổ, vào thế kỷ 6- 7, có thể Pan Pan đã trở thành một thành viên của liên minh các thị quốc Dvaravati do người Môn lập ra ở vùng đồng bằng hạ nguồn của sông Menam. Và, Pan Pan có một vị trí tuyệt vời đối với hai tuyến đường bộ nối giữa Vịnh Thái Lan và Vịnh Bengal. Hơn thế nữa, vùng đất của Pan Pan còn là khu vực chuyển tiếp đầu mối của ba thế giới: thế giới người Môn ở phía bắc, thế giới người Khmer ở phía đông và các thị quốc của bán đảo Mã Lai ở phía nam. Vì vậy, những nơi neo đậu thuyền bè, những kho hàng và chợ búa của Pan Pan luôn là nơi an bình cho các thương nhân của cả ba thế giới trên đến buôn bán với nhau.

Sau khi Kedah và Langkasura cùng phải hợp tác dưới sự chỉ đạo của Srivijaya, thì Pan Pan là thể chế chính trị tiếp theo của bán đảo quy tập vào Mandala Malay. Niên đại và những chi tiết về sự liên kết này chưa có tài liệu nào nói rõ, nhưng có thể là đã xảy ra vào nửa cuối thế kỷ 8, trước năm 775, vì tấm bia ký tìm thấy ở Vat Hua Wiang ở Chaya có niên đại năm 775 cho biết, vua Dharmasetu đã trở thành Maharaja của Srivijaya và cai quản toàn bộ đất nước. Sau khi hoà nhập, Pan Pan, trong suốt mấy thế kỷ, đã là một chư hầu lỏng lẻo của Mandala Srivijaya, nghĩa là trong khi công nhận uy lực chính trị của các Maharaja Srivijaya, các vua Pan

Pan vẫn có quyền kiểm soát việc buôn bán ở Vịnh Xiêm (Kedah thì có quyền tương tự ở bờ tây của bán đảo). Trên thực tế, Pan Pan chưa bao giờ bị sáp nhập thành một tỉnh, vì Srivijaya không có một hình thức quản lý chư hầu như một thuộc tỉnh của mình. Và, vì vậy, trong suốt thời gian này, Pa Pan vẫn là một vùng tự trị.

3. Langkasuka - Kedah

Các tài liệu của Lương Thư (502-556) Trung Quốc và những ghi chép của hai sứ thần Kang Tai và Zhu Ying cho biết, đô thị có tên là Langkasura (tiếng Trung Quốc: Langyaxiu hay Lang-ya-sseu-kia) được hình thành vào khoảng thế kỷ 2. Thế nhưng, mãi đến năm 1989, các tài liệu khảo cổ học mới xác định được vị trí của đô thị này ở vùng Yarang, nam Thái Lan.

Vị trí của Lankasura nằm sát ngay làng Yarang, cách thành phố Patani của Thái Lan hiện nay chừng 15 km về phía nam. Hơn 30 phế tích đã làm lộ ra các dấu tích của hào nước, thành lũy bằng đất và cả một mạng lưới các kênh đào. Tất cả các dấu tích có niên đại từ thế kỷ 6 đến thế kỷ 9 này nằm trải suốt cả một khu vực rộng 8 km vuông. Và, hơn thế nữa, nhiều dấu tích trên lại là của các công trình kiến trúc Hindu giáo và Phật giáo. Do cửa sông Patani bị vùi lấp, nên hầu hết những cảng và kho hàng nằm giữa thành phố và biển đã bị biến mất. Thế nhưng, dấu tích của các dòng kênh đào cổ vẫn có thể nhìn thấy được qua không ảnh.

Các tài liệu lịch sử cho biết, giống như Pan Pan, Langkasura chịu sự ảnh hưởng của Phù Nam, tuy không liên tục, trong khoảng thời gian từ thế kỷ 3 đến thế kỷ 6. Thế nhưng, do cách xa Phù Nam, nên có

thể, Langkasura luôn giữ được quyền tự trị lớn.

Nền kinh tế của Langkasura gắn chặt với vị trí địa lý của quốc gia, nơi kiểm soát con đường qua lại giữa Vịnh Thái Lan và Vịnh Bengal. Trong suốt thời gian dài, khu vực ảnh hưởng của Langkasura nằm vắt qua cả bán đảo và tập trung vào hai trung tâm đô thị lớn: Yarang ở bờ biển phía đông mở cửa ra biển Nam Trung Hoa và Kedah ở bờ biển phía tây đối mặt với Vịnh Bengal. Việc chuyển hàng quá cảnh giữa hai trung tâm này được thực hiện dễ dàng nhờ hai con sông Merbok và Patani. Hai con sông này cho phép chuyển hàng vào sâu bên trong bán đảo bằng thuyền và chỉ có một khoảng đất hẹp nằm giữa hai con sông này.

Langkasura được nhắc tới trong thư tịch cổ Trung Quốc khá sớm, nhưng Kedah, phiên bản của Langkasura ở Vịnh Bengal thì lại được người Trung Quốc nói tới ít. Vương quốc Kedah còn được gọi là Kalah, Kalajam, Kadaram, Kataha và Jiecha trong các tài liệu cổ Ấn Độ và Arap- Batu. Vương quốc này được nổi tiếng từ xa xưa nhờ sản xuất được loại thiếc rất nguyên chất và sáng. Rất có thể, thiếc của Kedah đã được xuất khẩu sang Ấn Độ. Trong nhiều năm qua, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra hơn 50 di tích có niên đại sau thế kỷ 7 (như vậy là thuộc thời Srivijaya) trên hai bờ của con sông Merbok. Phần lớn các đền thờ nằm ở triền dốc phía nam của núi Gunung Jerai, có thể là núi thiêng của đô thị. Núi Gunung Jerai ngự ngay ở cửa sông Merbok và cao 1206 mét quả là ngọn hải đăng lý tưởng cho thuyền bè từ vịnh Bengal vào cập bến. Cửa sông Merbok rộng rãi là điểm lý tưởng cho thuyền bè neo đậu. Còn Kedah

thì lại là cảng tuyệt vời để thuyền bè đến và rời eo Malacca. Nơi này nổi danh bởi những điều kiện thuận lợi để các thủy thủ ăn nghỉ sau chặng đường dài lênh đênh ngoài biển.

Những đoạn bia ký bằng tiếng Sanskrit đã được biết đến nói tới những hoạt động sôi động ở Kedah trong suốt một thời gian dài. Các bia ký cổ nhất có niên đại thế kỷ 4 và tám bia nổi tiếng thế kỷ 5 do vị thuyền trưởng tên là Buddhagupta đặt làm để dâng lên đức Phật sau thành công của một chuyến đi biển. Các tài liệu trên cho biết, ngay từ rất sớm, Kedah đã trở thành một trong những hải cảng sôi động nhất thời cổ. Sau đó, những lợi ích buôn bán chung đã gắn kết Kedah và Lankasura thành một liên minh.

Sứ đoàn đầu tiên của Langkasura đến Trung Quốc là vào năm 515, khi mà Funam sụp đổ, và do vua Bhagadatta phái đi. Lương Thư của Trung Quốc cho biết, đến thời điểm mà sứ đoàn đến thì vương quốc của sứ đoàn đã được 400 năm tuổi. Lương Thư chép về vương quốc này như sau: *"Vua và triều thần khoác ra bên ngoài Áo choàng một mảnh vải đỏ để che kín phần lưng giữa hai bờ vai. Họ mang dây lưng vàng và đeo vòng vàng ở tai. Phụ nữ còn mang những tấm khăn quàng được trang điểm bằng những viên châu ngọc. Tường thành được xây bằng gạch. Nhà ở có cửa kép và những phần nhà nhô ra có tầng, có bậc. Khi ra khỏi cung điện, vua ngồi trên mình voi, dưới tán của những chiếc ô màu trắng. Vua đi đến đâu, đều có những người đánh trống đi theo và có những người lính hầu dữ tợn vây quanh."*(2)

Sang thế kỷ 7, dựa trên các ghi chép của phái đoàn Trung Quốc được phái đi vào năm 601, sử gia Ma Touan-lin đã mô

tả các phong tục của Langkasura: "Họ của vua Tche-t'ou l'f Kiu t'an, còn tên của vua là Li-fou-to-si. Không ai biết về hình trạng của các vị tổ tiên của vị hoàng tử này. Người ta chỉ nói rằng, cha của hoàng tử đã từ bỏ ngai vàng để đi tu và đưa hoàng tử lên ngôi khi hoàng tử 16 tuổi. Vua có ba bà vợ, tất cả đều là con gái của các vương quốc láng giềng. Vua sống trong thành Seng Tche. Thành được bao bằng ba hàng rào có các cửa... Các toà nhà của cung điện chỉ có hai tầng. Tất cả các cửa đều mở về phía bắc... Ngai vàng được đặt trên nền cao ba bậc và nhìn về hướng bắc..... Các quan đại thần cai quản vương quốc gồm: một quan cao cấp nhất được gọi là Sa-to-kia, hai thượng quan được gọi là To-na-ta, ba phó thượng quan gọi là Kia-li-mi-kia. Những người phạm tội đều do một vị quan toà được gọi là Kiu-lo-mo-ti xét xử. Mỗi thành phố có hai vị quan được gọi là Na-ya-kia và Po-ti cai quản..."⁽³⁾

Nền độc lập của Langkasura rõ ràng là kéo dài tới tận thế kỷ 7. Bằng chứng là, hồi ức của nhà sư Nghĩa Tĩnh cho biết rằng, trong khoảng thời gian từ 685 đến 689, Kedah trở thành một bộ phận của Srivijaya. Chúng ta không biết rõ sự liên minh của Langkasura được hình thành và duy trì như thế nào, nhưng chắc là không phải bằng xâm lược quân sự, vì vào thời gian đó quân đội của Srivijaya cùng một lúc được tăng cường và dồn vào để bình định miền nam Sumatra và để viễn chinh tới Java. Sau khi sáp nhập vào Srivijaya, nhờ có vị trí chiến lược ở cửa phía bắc của eo Malacca, nên Kedah đã trở thành một trong những cảng mạnh nhất và giàu nhất của Mandala Malay trên bán đảo.

4. Chitu (Xích Thổ)

Theo tiếng Trung Quốc, Chitu có nghĩa là đất đỏ (xích thổ). Và, nước này chỉ được nhắc tới trong Suishu của Trung Quốc. Trong tài liệu trên, thì những ghi chép của sứ đoàn Trung Quốc được phái đi vào năm 607 là cụ thể hơn cả. Qua các ghi chép của sứ đoàn, có thể thấy Chitu nằm ở lưu vực con sông Sungei Kelantan trên bán đảo Malay và, như vậy là, được thu lợi từ việc khai thác các quặng vàng ở Ulu Pahang. Tổ chức chính trị của Chitu, như các ghi chép của các sứ thần Trung Quốc, gồm các quan chức với các tước vị khác nhau, như Dhanada (người ban tài lộc), Kulapati (người phụ trách tổ chức tôn giáo), Nakaya (người chỉ dẫn)... Các ghi chép trên còn nói rằng hoàng cung có tới vài trăm vị Bàlamôn ngôi đối diện với nhau thành hai hàng. Trong khi Đức Phật được thờ phụng, người ta vẫn dành nhiều tôn kính cho các thầy Bàlamôn. Các tài liệu Trung Quốc cho biết, tro xương của vị vua đã chết được ứng xử đặc biệt: được cho vào bình vàng rồi đặt vào công trình được xây dựng cho tang lễ- một truyền thống có nguồn gốc từ thời tiền Ấn Độ của châu Á.

Một thời, đã từng có những quan hệ buôn bán giữa Chitu và Trung Quốc. Thế nhưng, mối quan hệ này kéo dài không được lâu vì có thể Chitu đã bị Kiu-Li thay thế.

5. Barousai (Barus)

Thực thể chính trị này, một thực thể còn được biết dưới những cái tên khác như Bales, Falser, Pancur, hay Barus, lần đầu tiên được nhắc đến là trong ghi chép của Ptolemy vào thế kỷ 1. Người ta tin rằng, vị trí của Barousai là ở bờ biển tây bắc đảo Sumatra. Barousai nổi tiếng là nhờ sản xuất được những loại long não và cánh

kiến trúc có chất lượng tuyệt hảo. Chính vì vậy mà Barousai thường xuyên được nhắc tới trong các chỉ dẫn hàng hải và du thám của Arap- Batu (như *Kitab al Masalik wal mamalik*- cuốn sách viết về những con đường và những vương quốc của Ibn Kordadbed, năm 850, các ghi chép của Sulayman (năm 851), của Ishak bin Imran (năm 907), Masuri (943), Ibn Wafid (cuối thế kỷ 10)...)

Dù tiếng tăm rất nổi và đã để lại những dấu ấn quan trọng đối với các thương nhân Arập và Ấn Độ, thế nhưng lịch sử thời kỳ đầu của Barousai vẫn còn nhiều bí ẩn. Có thể là vương quốc này phụ thuộc vào các nhóm Toba và Pak Pak của các bộ lạc người Batak, những người cư trú trong vùng sâu, nơi sản xuất ra nhiều long não và cánh kiến trắng. Sự liên kết của người Batak với Barousai là không có cơ sở vì Ptolemy và Ibn Kordadbed cho biết những người dân Barousai thực hành những nghi lễ ăn thịt người- những nét đặc trưng cổ xưa của một số bộ lạc người Batak. Còn cảng Barousai thời xưa có thể nằm ở đâu đó gần cảng Baros ngày nay. Rồi thì, các tài liệu cũng không cho biết vùng lãnh địa chịu ảnh hưởng của Barousai rộng tới đâu. Nhưng, chắc chắn là vùng gốc có cảng thị và có sự sản xuất và buôn bán long não và cánh kiến trắng của Barousai là vùng nằm giữa hồ Toba và bờ tây Sumatra. Thế nhưng, rất tiếc là không có một tư liệu nào cho biết về lịch sử, tổ chức và các nơi buôn bán của Barousai trong suốt thời gian nhiều thế kỷ (từ TK. 1 đến TK. 10).

6. Ko-Ying

Vương quốc có tên là Ko-Yng được nhắc tới trong các thư tịch cổ Trung Quốc thế kỷ

2 và 3. Tuy không có tài liệu cho biết vị trí của Ko-Ying nằm ở đâu, nhưng một số nhà sử học giả định rằng, vương quốc cổ này nằm trong khu vực giữa Jambi và nam Sumatra. Cũng có học giả cho rằng vị trí của Ko-Ying nằm ở tây Java. Quan điểm thứ hai gần hơn cả với ghi chép trong "Địa lý" của Ptolemy về đô thị có tên là Argyre ở vùng cực tây của "Iabadium"(Java). Những phát hiện gần đây về những hiện vật gốm Buni giống với các bình gốm mép răng cưa của Ấn Độ và về những hạt thủy tinh ở vùng Batujaya, cùng với nhiều dấu tích các công trình xây dựng bằng gạch, đã cho thấy nơi đây con người đã cư trú trong một thời gian dài. Gạch được sử dụng ở đây có hình dáng và kích cỡ như những viên gạch được sử dụng trong suốt thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên ở Urayiur, nam Ấn Độ⁽⁴⁾. Những bằng chứng trên cho thấy khu vực này đã từng là một trung tâm giao tiếp buôn bán quan trọng với Ấn Độ, và, có thể đã từng hoạt động như một thương cảng đầu mối cho Biển Java, Ấn Độ và Phù Nam.

7. Poli

Các tài liệu lịch sử của Trung Quốc mô tả Poli như là điểm cuối cùng của nền văn minh ở vùng đông nam. Con người sống về phía đông, như truyền tụng, là những người có nước da đen và tóc quăn. Thể chế này, một thể chế thường được coi như là vương quốc Bali cổ, đã phái năm sứ đoàn đến Trung Quốc vào khoảng thời gian từ năm 473 đến năm 630. Lãnh thổ của vương quốc Poli có thể bao gồm một vài phần đất của Đông Java, khi tất cả các cảng ở khu vực này hợp thành một phần của mạng lưới thương mại quốc tế.

Bali nổi tiếng với công nghệ đúc đồng

từ xưa, mà bằng chứng nổi bật là những chiếc trống đồng của họ rất khác các trống thuộc kiểu trống Đông Sơn. Thế nhưng, đặc biệt là ở Bali không hề có mô đồng và mô thiếc. Do vậy, quặng đồng đã được buôn bán hay được chuyển đến Bali từ những nơi khác. Những phát hiện ra đồ gốm La Mã và Ấn Độ ở bờ biển phía bắc đảo đã chứng tỏ Bali đã là một vùng nằm trong trung tâm thương mại quốc tế và khu vực sôi động trong những thế kỷ đầu của kỷ nguyên Thiên Chúa⁽⁵⁾.

8. Pu-lo-chung

Kang Tai, một trong những sứ thần đầu tiên của Trung Quốc đến Phù Nam, đã dừng lại ở bờ biển tây- bắc đảo Borneo vào khoảng thời gian từ 245 đến 250. Ông cho biết, người dân cư trú ở đây được gọi là "Pu-lo-chung". Và theo mô tả của Kang Tai, thì những người này là những kẻ ăn thịt người và có đuôi. Rõ ràng, đây là những bộ lạc người Nam đảo có tục làm các nghi lễ ăn thịt người; còn đuôi có thể là một kiểu y phục mà họ thường mặc vào các dịp lễ hội.

Cho đến nay, cái tên Pu-lo-chung vẫn còn là một bí ẩn. Chắc chắn, đây là phiên âm sang tiếng Trung Quốc một cái tên địa phương nào đấy. Ví dụ, người Trung Quốc thường gọi các nước gần với việc buôn bán long não với những cái tên: Polu, Poluoso, Polushi và Polusha. Tất cả những cái tên trên đều rất gần với tên gọi Pu-lo-chung. Hơn thế nữa, các nước trên cũng đều nằm hoặc ở Sumatra, hoặc ở Borneo- những nơi sản xuất nhiều long não. Theo các nhà nghiên cứu, phần lớn long não nhập vào Trung Quốc thời xa xưa là đến từ hòn đảo Borneo.

9. Kutei

Kutei là một trong rất ít quốc gia cổ ở Đông Nam Á mà các nhà khoa học có thể xác định được chính xác vị trí. Bốn di chỉ khảo cổ lớn đã được xác định là ở các địa danh: Kutei Lama, Muara Kâmn, Kota Bangun và Selubu. Tất cả đều nằm ở hạ lưu sông Mahakam tại đông Borneo. Các di chỉ trên cho thấy Kutei có thể là một quốc gia cổ lớn.

Những bia ký bằng chữ Sanskrit khắc trên bảy chiếc cột đá tể (Yupa) được tìm thấy ở Muara Kaman đã khẳng định về một quyền lực trung tâm nằm ở Kutei. Những bia ký trên các cột đá này được xác định là có niên đại cuối thế kỷ 4- đầu thế kỷ 5 và có nội dung nói về việc một vị vua tên là Mulavarman đã dâng cúng đất đai, gia súc, vàng và châu báu cho các vị Bàlamôn sống trong tu viện có tên là Vaprakesvara⁽⁶⁾. Treo các bia ký trên, Mulavarman là cháu của vị tù trưởng tên là Kundunga và là con của Asvavarman, người được tin là đã lập ra vương triều Hindu địa phương. Những cái tên này hầu như hoàn toàn trùng với những ghi chép của nhà sư Trung Quốc Fa Hsien (Pháp Hiền) cho biết là vào thời gian này miền đông Kalimantan được cai trị bởi các vị vua: Devavarman, Asvavarman và Mulavarman. Devavarman có thể là cái tên Hindu được gán cho Kundunga khi các thầy Bàlamôn chép lại gia phả của người cháu ông. Vì Kundunga không có tên gốc Hindu, nên có thể thấy việc Hindu hoá Kutei được diễn ra từ thời con trai ông, người sáng lập ra vương triều Hindu, vua Asvavarman. Cũng theo các bia ký, vua Mulavarman, người đầu tiên của dòng tộc mang tước hiệu Raja, đã đánh bại nhiều chúa đất láng giềng và bắt họ

phải nộp cống cho mình. Theo các nhà nghiên cứu, việc Mulavarman chiếm hữu tước hiệu Raja và đánh bại các chúa đất láng giềng là một bằng chứng về sự phát triển của hình thức nhà nước ở các cộng đồng người Nam đảo. Còn việc Mulavarman đã đưa nhiều thầy Bàlamôn ngoại quốc vào vương quốc của mình và dâng nhiều đất đai và châu báu cho họ lại chứng tỏ vùng đồng Borneo không phải là vùng cô lập mà là vùng nằm trong mạng lưới thương mại sôi động.

Trên cơ sở nghiên cứu các bia ký, các nhà khoa học đã phác dựng cấu trúc thể chế quyền lực của Kutei như sau. Trung tâm của quyền lực là Pura (dinh thự) của Mulavarman nằm kề bên nơi linh thiêng (Vaprakesvara) của quốc gia (có thể ở đây có miếu thờ tổ tiên của vua). Pura không được bao quanh bằng các khu đô thị mà bằng những nơi ở và đất đai của các vị Bàlamôn và của những thành viên trong dòng tộc nhà vua. Bên ngoài là rừng núi, đất đai của các dòng tộc và các chủ đất khác. Trong các bia ký, không hề nói gì tới các chức quan trong triều. Do vậy, thể chế của Kutei có thể là một thể chế quyền lực dòng họ chứ không phải là thể chế quan lại. Nghĩa là, ở Kutei, chỉ có vua cùng hoàng tộc và dân chúng.⁽⁷⁾

10. Kantoli

Vào thế kỷ 5, Kantoli được sử liệu Trung Quốc (Lương Thư) ghi nhận như một vương quốc buôn bán quan trọng nhất nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của Phù Nam. Sách Mingshu chép: "Sanfotsi (Tam Phật Tê- tên mà người Trung Quốc gọi Srivijaya) trước đây có tên chính thức là Kantoli"⁽⁸⁾. Do vậy, có thể xem Kantoli là tiền bối của Srivijaya. Chính thông tin

trên cũng cho thấy vị trí của Kantoli nằm ở vùng giữa Jambi và Palembang.

Sứ đoàn đầu tiên mà Kantoli phái đến Trung Quốc là vào khoảng những năm 454 và 464. Các sử liệu Trung Quốc cho biết tên của vua Kantoli lúc đó là Sri Varanarendra, còn vị sứ thần thì có tên Ấn Độ là Rudra⁽⁹⁾. Vào năm 502, trị vì Kantoli là một vị vua tên là Gautama Subhadra. Kế vị Subhadra là con trai ông Pyravarman Vinyiavarman. Vị vua này đã cử một sứ đoàn đến Trung Quốc vào năm 519.

Nhờ nhu cầu ngày càng tăng đối với các lâm sản của Sumatra (gỗ thơm, nhựa cây) của thị trường Trung Quốc, mà Kantoli hưng thịnh trong một thời gian khá dài. Thế nhưng, sau đấy, từ giữa thế kỷ 6, do Trung Quốc ít quan tâm đến các mặt hàng lâm sản ở khu vực Đông Nam Á, như nhiều tiểu quốc khác, Kantoli bắt đầu suy yếu và biến mất trên bản đồ chính trị Đông Nam Á thời cổ.

11. Holotan

Các nhà nghiên cứu cho rằng, vương quốc Holotan nằm ở khu vực tây Java, có thể là trong vùng Sunda. Đã có tới 7 sứ đoàn của Holotan được phái tới Trung Quốc vào khoảng thời gian từ năm 430 đến năm 452. Vị sứ thần được phái đi vào năm 435 là của vua Sri Paduka Purnavarman, người kêu với triều đình Trung Quốc là hay bị các nước láng giềng tấn công. Có thể tin là nhà sư Pháp Hiền của Trung Quốc, người được cử đi Ấn Độ vào năm 399, đã dừng lại ở Holotan khi trên đường trở về. Theo ghi chép về chuyến đi của mình, trên đường về Canton, Pháp Hiền đã dừng lại ở Kantoli và sau đó, tại Java, ông đã ở lại từ tháng

12 năm 412 đến tháng 5 năm 413. Trong cuốn Phật quốc chí năm 420, Pháp Hiền viết về chuyến trở về của mình: "...*Như vậy, họ đã đi 90 dặm chỉ là hơn 90 ngày mới tới được nước có tên là Yavadi. Trên đất nước này, những người dị giáo và những người Bàlamôn rất nhiều, còn đạo Phật thì ít được biết đến...*"⁽¹⁰⁾.

Sau năm 452, các tài liệu Trung Quốc hầu như không nhắc gì tới Holotan cả. Có thể giả định là, những điều lo ngại của vua Sri Paduga Purnavarman đã trở thành hiện thực, nghĩa là Holotan đã bị nước láng giềng là Tolomo hay Tarumanagara tiêu diệt.

12. Tarumanagara (Tolomo)

Sự tồn tại của vương quốc Tarumanagara được nói tới trong nhiều tấm bia ký bằng đá viết bằng chữ Sanskrit đã phát hiện được ở vùng Jakarta và Bogor⁽¹¹⁾. Các bia ký cho biết vương quốc có tên là Taruma và do vua Purnavarman cai quản. Tuy không có ghi niên đại, nhưng kiểu chữ viết đã cho biết các bia ký có niên đại nửa đầu thế kỷ 5 (kiểu chữ được dùng ở Andra Pradesh (Ấn Độ). Sự hiện diện của các bia ký chứng tỏ lãnh thổ của Tarumanagara nằm trong vùng giữa sông Citarun (ở tây Java) và Eo biển Sunda. Còn thủ đô của Purnavarman thì nằm ở khu vực giữa các làng Tugu và Bekasi (thuộc Jakarta hiện tại).

Các bia ký có mô tả những công việc mà vua chỉ đạo, trong đó có việc đào kênh thủy lợi. Và, sứ đoàn đầu tiên của Tarumanagara được phái tới Trung Quốc là vào năm 528. Ngoài ra, Tarumanagara còn phái tiếp hai sứ đoàn sang Trung Quốc vào các năm 666 và 669. Và, đến

cuối thế kỷ 7, Tarumanagara bị những chiến thuyền của Srivijaya tiêu diệt.

13. Holing (Chopo)

Holing, quốc gia cổ có thủ đô được người Trung Quốc gọi là "Chopo" lần đầu tiên được nhắc tới là trong các thư tịch thế kỷ 5 của Trung Quốc. Thế nhưng, vị trí của thủ phủ của Holing ở đâu thì, cho đến nay, vẫn còn là đề tài tranh luận của các nhà sử học. Có ý kiến cho rằng Chopo nằm trên bán đảo Malay; có ý kiến thì cho vị trí của Chopo nằm ở tây Java. Dù có những ý kiến khác nhau, các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng Holing nằm ở miền trung đảo Java, có thể là vùng đất nằm giữa Pekalongan và Plawangan ở tỉnh Semarang.

Holing đã gửi những sứ thần đầu tiên đến Trung Quốc vào năm 433 và 435. Một trong những ghi chép đầu tiên về vương quốc này được tìm thấy trong cuốn sách *Kao seng shuan* (tiểu sử về các nhà sư xuất thân) viết năm 519. Trong cuốn sách có một chương lý thú mô tả cuộc sống của nhà sư Gunavarman: "*Từ khi còn trẻ, ông đã có thiên hướng tới cuộc sống tôn giáo. Khi đức vua chết, ông khước từ ngai vàng và đi đến Xây Lan. Từ Xây Lan, ông tới vương quốc Chopo. Vào đêm trước khi ông tới, bà mẹ của vua mơ thấy có một nhà sư đến vương quốc trên một chiếc thuyền bay. Sáng hôm sau, Gunavarman tới và hoàng hậu quyết định trở thành Phật tử. Bà thuyết phục con trai noi theo gương của mình. Kẻ thù tấn công vương quốc, đức vua hỏi Gunavarman liệu có trái luật nếu đánh lại chúng. Gunavarman trả lời rằng trừng phạt kẻ cướp là một nghĩa vụ. Đức vua ra trận và chiến thắng. Sau sự việc ấy, đạo Phật lan tỏa ra khắp vương quốc.*"⁽¹²⁾

Không chỉ trở thành trung tâm Phật giáo ngay từ rất sớm, Holing còn được biết như là nơi sinh của Janabhadrad- một nhà sư cũng rất nổi tiếng về am hiểu đạo pháp. Các nhà sư danh tiếng của Trung Quốc như Houei-ning đã được phái đến Holing (vào các năm 664-665) để dịch các kinh sách Hinayan (Tiểu thừa) sang tiếng Trung Quốc. Việc xây dựng nhiều đền thờ thờ Siva trên cao nguyên Dieng và ở Gedong Songo vào thế kỷ 7 đã chứng tỏ sự trỗi dậy của Siva giáo, còn đạo Phật thì suy yếu hẳn.

Chúng ta biết rất ít về thể chế của Holing. Thế nhưng, như các mô tả, Holing là một Mandala điển hình với thủ đô Chopo cùng 28 tiểu quốc thần phục. Tân Đường Thư cho biết, suốt thời kỳ được gọi là "Chang-yuan" (674 - 675), Holing do hoàng hậu Simo cai quản. Các tài liệu đều nói, hoàng hậu là người tàn bạo và nhẫn tâm đến nỗi bọn cướp biển cũng phải tránh xa bờ biển thuộc vương quốc của bà.

Holing nằm ở vị trí lý tưởng để kiểm soát việc buôn bán của các đảo hương liệu ở phía đông quần đảo. Chính vì vậy mà Holing đã phải đối mặt với sự bành trướng thế lực của Srivijaya. Kết quả là, đến sau giữa thế kỷ 8, miền trung đảo Java đã phải khuất phục và chịu sự cai trị của dòng tộc Srivijaya theo Phật giáo.

* *

*

Mặc dầu chỉ là các thể chế chính trị có lãnh thổ và vùng ảnh hưởng không lớn và tiếp nối nhau tồn tại trong một thời gian không dài, nhưng các quốc gia cổ đại đầu tiên này đã đặt nền móng về chính trị, xã hội và văn hoá cho sự ra đời sau này của những quốc gia hùng mạnh ở khu vực

Đông Nam Á hải đảo, mà điển hình là đế chế biển hùng mạnh Srivijaya và vương triều Phật giáo Sailendra phát triển rực rỡ ở miền trung đảo Java./.

CHÚ THÍCH

1. Có thể xem: G.Coedes, *Les etats Hindouises d'Indochine et d'Indonesie*, Paris, 1989, tr. 101
2. W.P. Groenevelt, *Notes on Malay Archipelago*, "Historical Notes on Indonesia and Malaya", Jakarta, 1960, tr.10.
3. Dẫn theo: P.M.Munos, *Early Kingdoms of the Indonesian Archipelago and the Malay Peninsula*, Singapore, 2006, tr.101-102.
4. Xem: E. McKinnon, Hasan Djafar và M.P. Soesoro, *Tarumanagara, a note on discoveries at Batujaya and Cibuaya, West Java*, trong *South East Asian Archaeology*, 1994, tr.147-159.
5. Xem: I.W. Ardika và P. Bellwood, *Sembaran: the beginning of Indian contact with Bali*, *Antiquity* 65 (1991), tr. 221-232.
6. E. McKinnon, *Buddhism and the pre-Islamic archaeology of Kutei*, *Studies in Southeast Asian Art*, Ithaca, NY, 2000, tr. 217-240.
7. H. Kulke, *The early and imperial kingdom in Southeast Asian history*, *Southeast Asia in the 9th to the 14th centuries*, Singapore, 1986, tr.6.
8. Theo: G. Ferrand, *L'Empire Sumatranais de Srivijaya*, *Journal Asiatique* (1922), tr.24.
9. Theo G. Coedes, *Les etats Hindouises...* sđđ. tr.108.
10. Theo H. Giles, *The Travels of Fa-Hsien*, London, 1956, tr. 77.
11. E. McKinnon, Hasan Djafar và M.P. Soeroso, *Tarumanagara, a note on discoveries at Batujaya and Cibuaya, West Java*, sđđ.
12. Xem: G. Ferrand, Sđđ, tr.211-212; G. Coedes, Sđđ, tr.107